

Truyện ngắn *Lão Hạc* dưới góc nhìn của “Lí thuyết thế giới ngôn từ”

Hồ Văn Hải*, Trần Thị Nhật**

Nhận ngày 6 tháng 11 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 4 năm 2023.

Tóm tắt: Bài viết hướng tới việc vận dụng “Lí thuyết thế giới ngôn từ” (LTTGNT) của Paul Werth và Gavins để nghiên cứu cách thức sản sinh, chức năng và hoạt động của ngôn ngữ trong truyện. Lí thuyết này là bước phát triển tiếp theo của phân tích diễn ngôn. LTTGNT xem tác phẩm là một thế giới được biểu đạt bằng ngôn ngữ. Trong đó, ngôn từ là những dấu hiệu về sự “diễn giải” thế giới mà những đối tượng tham gia vào văn bản tạo ra. Sử dụng cách nhìn trên để nghiên cứu truyện có thể giúp người tiếp nhận và phân tích văn chương thấy được những vẻ đẹp của ngôn ngữ và sức sáng tạo của nhà văn trong quá trình sáng tác. Để xem xét tính hiệu quả của LTTGNT đối với việc phân tích tác phẩm, chúng tôi đã chọn truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao làm đối tượng khảo nghiệm và bước đầu đã thu được những kết quả khả quan.

Từ khóa: Thế giới ngôn từ, truyện, tình thái.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: The article aims to apply the “Text World Theory” of Paul Werth and Gavins to study the production, function and operation of language in stories. This theory is the next evolution of Discourse Analysis. “Text World Theory” considers work as a world expressed in language. In which, words are signs of the “interpretation” of the world created by the subjects participating in the text. Using the above perspective to study stories can help recipients and literary analysts see the beauties of language and the writer's creativity in the process of composing. In order to examine the effectiveness of “Text World Theory” for the analysis of the work, we have chosen Nam Cao's story of *Lão Hạc* as a test object and initially obtained positive results.

Keywords: Language world, story, modality.

Subject classification: Linguistics

1. Mở đầu

Ra đời từ những nguyên lí cơ bản của *Khoa học tri nhận* nói chung, *Ngôn ngữ học tri nhận* nói riêng, LTTGNT của Paul Werth với sự bổ cứu của Gavins đã mở ra một hướng đi mới cho *phong cách học tri nhận*. Đầu tiên, lí thuyết này được Paul Werth đề cập trong hai bài báo mang tên *How to Build a World* (1995a) và *World Enough and Time* (1995b) nhưng sự đột phá của lí thuyết này phải kể đến tác phẩm *Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse* (1999). Chuyên luận này của Werth đã diễn giải chi tiết và làm tiền đề cho sự phát triển tiếp theo của LTTGNT. Paul Werth đã thử nghiệm lí thuyết của mình qua phân tích đoạn trích từ tác phẩm *A Passage to India* (1924) của tác giả E. M. Forster's. Ông cho rằng *tác giả* và *độc giả* trong một tác phẩm văn học cụ thể chính là các tham tố có vai trò tạo nên những diễn ngôn cho tác phẩm. Các diễn ngôn này ràng buộc các *tham tố* với các *nhân vật* và các *vật thể xung quanh nhân vật* tại một mốc thời gian và trong một không gian xác định. Sự ràng buộc này có tác dụng lôi kéo độc giả cùng với tác giả tạo nên một *thế giới ngôn từ* (TGNT), hay nói cách khác, tạo nên một không gian tinh thần chứa đựng các sự tình sẽ xảy ra. Quá trình này được kích hoạt là nhờ các yếu tố xây dựng thế giới (world-building elements) và các nhân tố thúc đẩy chức năng (function-advancing components).

*, ** Trường Đại học Sài Gòn.

Email: hvhai@sgu.edu.vn

TGNT vì thế được mở ra trên ba cấp độ: 1) dựa trên cấu trúc tình thái; 2) dựa trên hoạt động tình thần; 3) dựa trên sự hỗn loạn của các mốc thời gian trong tác phẩm. Gần đây, Gavins là người tiếp tục hoàn thiện thêm lí thuyết của Paul Werth bằng chuyên luận *Text World Theory: An Introduction* (2007). Công trình này giúp cho LTTGNT trở thành một trong những công cụ tốt nhất để nghiên cứu các *không gian tình thần* diễn ra bên trong mỗi người khi họ tiếp cận một văn bản bất kỳ. Từ đây, một trào lưu ứng dụng LTTGNT vào phân tích tác phẩm tự sự đã được hình thành.

2. Những nội dung cơ bản của “Lí thuyết thế giới ngôn từ”

Lí thuyết này chỉ ra cách tiếp cận mang tính phương pháp luận có thể *lí giải các quá trình tri nhận đằng sau tất cả các hình thức giao tiếp của con người*. Trong đó, Paul Werth tập trung làm rõ các *không gian nhận thức liên kết với các cấp độ tự sự*, từ đó hình thành nên các “thế giới” khác nhau của diễn ngôn. *Cấp độ đầu tiên (1)* có tính bao quát nhất được gọi là *thế giới diễn ngôn*. Trong thế giới đó chứa đựng những *sự kiện ngôn ngữ* diễn ra tự nhiên và diễn đạt bối cảnh trực tiếp mà diễn ngôn đang có. *Cấp độ thứ hai (2)* được gọi là *thế giới ngôn từ*. TGNT chứa đựng những *sự diễn giải bên trong thế giới tình thần* của những người tham gia vào diễn ngôn đó (Werth. P, 1999: 46). Dưới góc nhìn của LTTGNT, thế giới mà người tham gia diễn ngôn “diễn giải” được phân thành hai loại: 1) thế giới mà người tham gia (người sáng tạo và người tiếp nhận) có khả năng tiếp cận được; 2) thế giới mà nhân vật có khả năng tiếp cận được. Thế giới mà nhân vật tiếp cận được là thế giới được tạo lập từ những kiến thức về thực tại có được từ môi trường sống biểu hiện qua những “phản ứng” của chính họ với ngoại giới và thể hiện qua các sắc thái nhận thức như *khẳng định, phủ định, ước vọng...* *Cấp độ thứ ba (3)*, cũng là cấp độ cuối cùng là các *thế giới tình thái* và *sự dịch chuyển các thế giới*. Các thế giới này là những không gian nhận thức vượt ra khỏi TGNT (Gavins, 2007: 77). Whiteley đã sử dụng LTTGNT để khảo sát các phản ứng liên quan đến cảm xúc của con người trong một diễn ngôn nghệ thuật. Thành công bước đầu của thử nghiệm này đã mở ra một hướng đi mới trong nghiên cứu tác phẩm văn học.

Khi tương tác với thế giới thật và diễn đạt thế giới đó bằng ngôn ngữ, con người có xu hướng “định vị” mình với những thực thể xung quanh như là một quá trình tham chiếu. Việc lấy tri thức của người tham gia giao tiếp làm mốc để định vị và thực hiện các tham chiếu vào thế giới xung quanh gọi là “trực chỉ”. Trực chỉ có vai trò chỉ ra không gian, thời gian cho một hành vi phát ngôn cụ thể. Từ đây, con người sẽ đánh giá mối liên hệ giữa họ với những yếu tố khác có trong môi trường xung quanh. Thế giới “trực chỉ” có thể là hiện thực trước mắt, của kí ức, của sự tưởng tượng, cũng có thể là của mơ ước. “Trực chỉ” có thể là các yếu tố thuộc phạm trù *không gian* (gần, xa, bao quát, cụ thể...) hoặc *thời gian* (hiện tại, quá khứ, tương lai). Chúng được thể hiện bằng sự vật, hiện tượng, con người... và đi vào văn bản với tư cách là các *đối tượng, bối cảnh, sự kiện...* Trong đó, các thuộc tính của “trực chỉ” được gắn với từng thực thể. Quá trình tham chiếu của các “trực chỉ” đã tạo ra TGNT. Bên cạnh đó, LTTGNT xem diễn ngôn là phương thức cấu thành văn bản. Thế giới diễn ngôn là một cảnh huống xoay quanh một sự kiện phát ngôn. Nó bao gồm tất cả những người tham gia và những thứ mà những người này có thể nghe được, thấy được từ môi trường xung quanh cùng các nguồn tri nhận mà con người có thể có như *thái độ, cảm xúc, kiến thức, kinh nghiệm, hi vọng, niềm tin, kỳ vọng...* Các nhân tố cấu thành thế giới diễn ngôn có thể quy về bốn loại cơ bản: 1) *thời gian*; 2) *không gian*; 3) *thực thể*; 4) *các mối quan hệ*. Các nhân tố này thiết lập những “ranh giới” về không gian cho TGNT (Gavins, 2007: 36).

Quá trình giao tiếp là một dòng chảy thông tin liên tục thay đổi. Những người tham gia có thể thêm vào các thông tin mới, chuyển đổi đề tài hoặc bối cảnh một cách chủ động. Từ đó TGNT mới liên tục được sinh ra nhờ vào sự dịch chuyển các yếu tố “trực chỉ”. Dưới góc nhìn của LTTGNT, các nhân tố thúc đẩy chức năng được hiểu là “những yếu tố thúc đẩy diễn ngôn tiến về phía trước” (Gavins, 2007: 56). Theo đó, sự dịch chuyển của TGNT diễn ra trên ba bình diện: 1) cấu trúc tình thái; 2) hoạt động tình thần; 3) sự dịch chuyển của các mốc thời gian trong diễn ngôn. Một thế giới mới có thể được tạo lập dựa vào các dấu hiệu sau: 1) sự dịch chuyển về thời gian nhưng vẫn giữ nguyên không gian; 2) chỉ dịch chuyển không gian nhưng mọi sự kiện vẫn diễn ra trên nền thời gian chung; 3) dịch chuyển cả không gian lẫn thời gian. Những sự dịch chuyển của các yếu tố trên

làm phát sinh một thế giới mới được gọi là sự dịch chuyển TGNT. Trong tác phẩm truyện, mỗi sự kiện có thể tương ứng với một sự dịch chuyển lớn của TGNT. Những yếu tố thúc đẩy chức năng có vai trò thúc đẩy cốt truyện phát triển. Chúng ta có thể hình dung các nhân tố thúc đẩy chức năng cho sự vận động của TGNT trong một số kiểu diễn ngôn mà Werth đưa ra (Bảng 1).

Bảng 1: Các chức năng diễn hình trong diễn ngôn

Kiểu văn bản	Kiểu vị từ	Chức năng	Hành động tạo lời
Tự sự	Hành động, sự kiện	Thúc đẩy cốt truyện	Tường thuật, kể
Bối cảnh	Trạng thái	Thúc đẩy bối cảnh	Miêu tả bối cảnh
Con người	Trạng thái	Thúc đẩy con người	Miêu tả nhân vật
Nhật trình	Thói quen	Thúc đẩy nhật trình	Mô tả nhật trình
Biện luận	Liên hệ	Thúc đẩy tranh luận	Phán đoán, kết luận
Hướng đạo	Mệnh lệnh	Thúc đẩy mục tiêu	Yêu cầu, ra lệnh

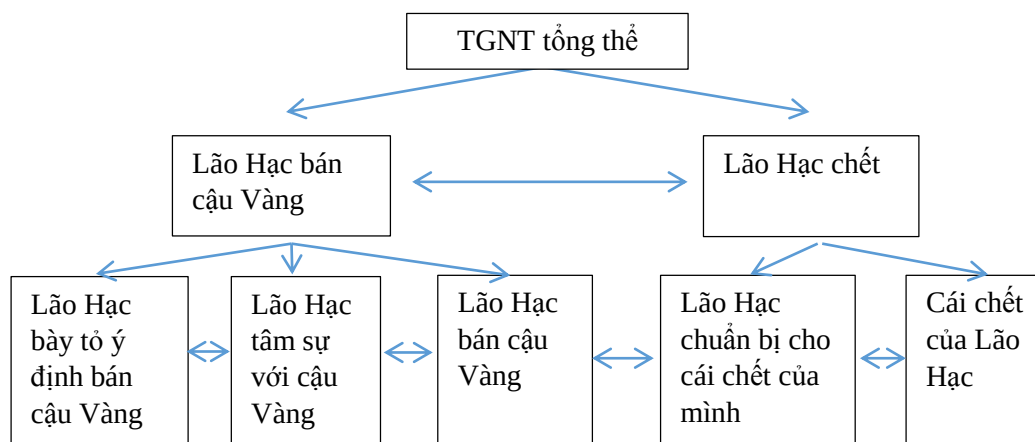
Nguồn: Werth, 1999: 191

Bảng tổng quát trên cho thấy, chức năng diễn ngôn được hiện thực hóa bằng những phương tiện ngôn từ cụ thể. Nói cách khác, sự sắp xếp các cấp độ của TGNT thực chất là việc chọn lọc các nhân tố thúc đẩy chức năng. Nhờ chúng mà TGNT chuyển động được.

Theo Werth, TGNT được chia thành ba loại cơ bản là: 1) thế giới trực chỉ (deictic world); 2) thế giới nhận thức (epistemic world); 3) thế giới thái độ (attitudinal world) (Werth, 1999: 216) với sự can thiệp của các yếu tố tình thái. Theo Gavins, các thế giới mới được hình thành dưới tác động của yếu tố cảm xúc và hiện ra như những *thế giới tình thái*. Thế giới này được “kích hoạt” nhằm thể hiện thái độ của người nói hoặc người viết đối với một đối tượng nào đó. Dưới góc nhìn của LTTGNT, Gavins cho rằng một văn bản bất kỳ có thể chứa đựng bên trong nó ba kiểu tình thái: tình thái ước vọng (Gavins, 2007: 94); tình thái đạo nghĩa (Gavins, 2007: 98-99); tình thái nhận thức (Gavins, 2007: 110). Trong đó, tình thái nhận thức còn được thể hiện qua điểm nhìn (focalisation). Điểm nhìn là yếu tố chính tạo nên giọng điệu. Trong truyện kể, TGNT là kết quả của quá trình sáng tạo thế giới nghệ thuật của một người, đó là tác giả. Từ những nhận thức trên, chúng tôi thử áp dụng LTTGNT vào phân tích ngôn ngữ văn chương. Đối tượng được dùng để khảo nghiệm là truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, một tác phẩm đạt đến đỉnh cao trên nhiều phương diện.

3. Kết cấu thế giới ngôn từ của tác phẩm *Lão Hạc*

Từ LTTGNT và những yếu tố khác như thời điểm ra đời, tác giả, người đọc hôm nay và nền văn hóa Việt cho phép chúng ta tri nhận và lí giải TGNT của truyện *Lão Hạc* với độ tin cậy cao. Từ điểm nhìn cấu trúc, sự kiện, có thể hình dung TGNT cốt lõi trong tác phẩm *Lão Hạc* qua sơ đồ sau:



Nguồn: Tác giả thực hiện

Cấu trúc TGNT của tác phẩm khá đơn giản. Văn bản truyện xoay quanh 2 TGNT chính: TGNT (1) của sự kiện lão Hạc bán cậu Vàng và TGNT (2) của sự kiện lão Hạc tìm đến cái chết. Trong TGNT (1) chứa đựng 3 TGNT bộ phận: TGNT (1.1) của sự kiện lão Hạc bày tỏ ý định bán cậu Vàng; TGNT (1.2) của sự kiện lão Hạc bày tỏ ý định bán cậu Vàng với chính cậu Vàng; TGNT (1.3) của sự kiện cậu Vàng bị bán. Trong TGNT (2) chứa đựng 2 TGNT bộ phận: TGNT (2.1) của sự kiện lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình; TGNT (2.2) của sự kiện lão Hạc đi vào cái chết một cách vật vờ. TGNT (1) → TGNT (2) là sự dịch chuyển giữa tốt đỉnh của nghịch cảnh đến tốt đỉnh của bi thương.

3.1. Thế giới ngôn từ trong sự kiện lão Hạc bán chó

Trong TGNT (1), nhà văn đã thiết kế 3 tiểu TGNT bằng chuỗi logic: TGNT (1.1) là sự bày tỏ ý định bán cậu Vàng được đặt trong đối trọng của việc ông giáo bán sách → TGNT (1.2) là việc ngỏ lời trước cho nhẹ lòng với cậu Vàng → TGNT (1.3) là đỉnh điểm của nỗi đau khi buộc lòng phải làm “kẻ bội tín” trước ánh mắt cầu cứu lẫn trách móc của cậu Vàng khi bị bán cho người ta giết thịt. Trong TGNT (2), tác giả thiết kế 2 tiểu TGNT: TGNT (2.1) là tốt đỉnh của sự thất vọng về cuộc đời, con người đến TGNT (2.2) là tốt đỉnh của sự xót xa cho số phận và cũng là thực trạng của rất nhiều người dân trong xã hội lúc bấy giờ.

Thứ nhất, tiểu TGNT (1.1) về việc lão Hạc bày tỏ ý định bán cậu Vàng với ông giáo. Trong đó, các tham tố chính gồm: *tham tố thời gian* là những lúc buồn chuyện gia cảnh cô độc; những lúc đau lòng, nhớ và thương đứa con phần chí bỏ xứ biệt lập; những lúc ăn cơm, uống rượu một mình với cậu Vàng; *tham tố địa điểm* là ngôi nhà ông giáo, nơi lão Hạc phải có việc hệ trọng mới ghé qua vì lão rất sợ làm phiền người khác; *tham tố vật thể* là những thứ quen thuộc trong đời sống sinh hoạt của thôn quê; *tham tố nhân vật* là nhân vật chính lão Hạc và ông giáo, các nhân vật khác chỉ được nhắc đến qua lời kể, tả; *tham tố tình thái* được thể hiện qua ngôi kể thứ ba được nhập vào ngôi thứ nhất, ngoài ra còn có lời thoại nhân vật chính; giọng điệu tâm tình bao trùm toàn bộ TGNT. Các tham tố chi tiết gồm các *tham tố về đặc tính được gán cho các thực thể* như: mồi rơm; đóm; thuốc; xe điều; gạt tàn; quần áo; va li → đựng đầy sách; sách → quý; vườn; sở mộ phụ. Các *tham tố thúc đẩy chức năng* gồm: lão Hạc → thổi mồi rơm → đưa đóm mời ông giáo hút trước → cầm đóm, vo thuốc → nói với ông giáo (về ý định bán chó) → hút → đặt xe điều xuống, quay ra ngoài thở khói hương khói lạc → bày tỏ với ông giáo (về việc đã lâu không có tin tức về con trai) → bày tỏ với ông giáo (chuyện người mua và mục đích nuôi chó) → bày tỏ với ông giáo (tình cảnh của con trai khi bỏ xứ ra đi và tình cảm của mình dành cho con); ông giáo → cầm đóm, vo viên thuốc lá, rít một hơi, thổi thuốc → đưa thuốc cho lão Hạc → nghe lão Hạc bày tỏ ý định bán chó → liên tưởng đến những cuốn sách quý bị bán đi → nghe lão Hạc tâm sự chuyện con trai → nhận được sự cảm thông hết mực của ông giáo; con ông giáo → bệnh kiệt lực kiệt sức; con trai lão Hạc → muốn bán vườn → hiểu chuyện → từ bỏ → đăng kí mộ phụ → cho lão Hạc tiền → đi phụ đồn điền; gia đình nhà gái → thách cưới cao; cô gái → đi lấy chồng con trai một nhà khá giả. Tác phẩm mở đầu bằng *thế giới trực chỉ* của sự kiện gặp gỡ tâm tình giữa lão Hạc và ông giáo: lão Hạc nói với ông giáo về ý định bán chó, qua những “điểm mờ” trong sự thấu hiểu đến đồng cảm tuyệt đối của ông giáo. TGNT (1.1) được thiết kế khi thì xen kẽ khi thì nhập vào làm một giữa TGNT (1.1.1) được tạo ra từ tham tố về sự bày tỏ của lão Hạc với TGNT (1.1.2) được tạo ra từ tham tố về thái độ và sự hồi tưởng của ông giáo. Hai TGNT này song song tồn tại và phát triển không ngừng. TGNT (1.1.1) ứng với hành động bày tỏ của lão Hạc là từ “xa” đến “gần”, từ bày tỏ ý định bán chó đến căn nguyên rất hệ trọng của việc làm này. Mở đầu là tham tố về lời ước thử thái độ của ông giáo: “Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!”. Sau tham tố này mở ra TGNT (1.1.2) với tham tố về sự “dừng dưng” rồi “ngồi lặng lẽ” mở ra một thế giới hồi tưởng - vọng tưởng về chuyện ông giáo đau ốm

vẫn kiên quyết giữ lại những cuốn sách quý; nâng niu sách với “những say mê đẹp và cao vọng” của tuổi trẻ → tham tố về những cuốn sách quý mà “mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bùng lên trong lòng tôi như một rạng đông...” bị bán dần đi và còn lại đúng năm cuốn sau những cơn túng bấn → tham tố được thúc đẩy bởi yếu tố chức năng thể hiện tính tình thái phủ định trong câu nói: “Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần” mở ra tham tố của việc ông giáo phải bán nốt năm cuốn sách cuối cùng để chữa bệnh cho con. Lúc này, TGNT (1.1.2) đã được đẩy đến cực điểm. TGNT (1.1.1) tiếp tục được phát triển nhờ sự thúc đẩy của tham tố về việc ông giáo “nhìn để làm ra về chú ý đến câu nói của lão” bằng những tham tố bày tỏ tâm trạng của nhân vật chính: “Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!”. Từ đây, các đối thoại trong TGNT (1.1.1) chỉ còn lại một vế, là lời của nhân vật chính, lời người đối diện chìm trong chuỗi kể, tả của ngôi thứ 3. Nhân vật chính đang ở trong *thế giới thực tại* lại đột ngột chuyển sang *thế giới hồi tưởng* bởi tham tố là lời bày tỏ gan ruột: “Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...”. TGNT (1) chuyển dần vào tính chất đạo nghĩa và vọng tưởng với tham tố đánh dấu sự chuyển đổi ngôi kể sang nhân vật “tôi” - người dẫn chuyện: “Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy”... để dựng lên cả một TGNT về hoàn cảnh đứa con lão Hạc “phần chí” vì chuyện tình duyên: nhà gái thách cưới cao → con trai lão Hạc tính bán vườn → con trai lão Hạc bỏ nhà mẹ phụ. TGNT (1.1.1) được phát triển đến mức cao nhất trong tính chất đạo nghĩa với các tham tố trong lời thoại của nhân vật chính: “Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc” và những tham tố của cảnh chia tay được thể hiện bằng một chuỗi các đơn vị ngôn từ tăng tiến về mức độ cảm xúc: từ hành động người con biểu “ba đồng bạc” đến người cha nhận thức tình thế: “Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...”. Đến đây, TGNT (1.1.2) lại được hồi sinh bởi một chuỗi tham tố tình thái nhận thức có sự phóng chiếu lẫn nhau để làm nổi bật nỗi đau của nhân vật chính bằng chính sự cảm nhận của một người từng rơi vào cảnh ngộ tương tự qua “độc thoại vô ngôn” của ông giáo: “Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu...” và làm cho TGNT (1.1) trở nên hoàn chỉnh. Như vậy, trong TGNT (1.1), tác giả đã xây dựng nên TGNT (1.1.2) để làm đối trọng, quy chiếu với thế giới TTNT (1.1.1) của sự kiện lão Hạc bán con chó yêu quý của mình. Ở đây, chúng ta chứng kiến sự thay đổi liên tục của thế giới được miêu tả, từ thế giới thực tại chuyển qua thế giới hồi tưởng rồi quay trở về với thế giới thực tại; từ TGNT của nhân vật chính đến TGNT của nhân vật phụ; ngôi kể từ đối thoại sang ngôi lưỡng phân. Tất cả TGNT (1.1) đều hướng về một chức năng chính: quyết định bán chó là một quyết định vô cùng khó khăn.

Thứ hai, tiểu TGNT (1.2) về quan hệ thân thiết của lão Hạc với con chó. Trong đó, các tham tố chính gồm: *tham tố thời gian* là những lúc buồn chuyện gia cảnh cô độc; những lúc đau lòng, nhớ và thương đứa con phần chí bỏ xứ biệt; những lúc ăn cơm, uống rượu với cậu Vàng; *tham tố địa điểm* là không gian ngôi nhà, nơi con người ta nghiền ngẫm sự đời buồn vui; *tham tố vật thể* là những thứ quen thuộc nhất trong sinh hoạt hàng ngày của nhân vật: con chó, cái bát, đồ nhắm; *tham tố nhân vật* là nhân vật chính lão Hạc; cậu Vàng và con trai lão Hạc với tư cách là đối tượng được nhắc đến trong cuộc thoại; *tham tố tình thái* được thể hiện qua ngôi kể chủ yếu chuyển cho nhân vật qua các tham thoại, ngôi kể thứ ba rất hạn chế. Hai ngôi kể hòa quyện vào nhau và tạo nên giọng điệu tâm tình đặc trưng. Các *tham tố chi tiết* gồm: lão Hạc; cậu Vàng. Các *tham tố thúc đẩy chức năng* gồm: lão Hạc → bắt rận cho cậu Vàng → đem cậu Vàng đi tắm ao → cho cậu Vàng ăn cơm → gấp mỗi nhắm cho cậu Vàng → tâm sự → mắng yêu, thăm dò - thăm dò cậu Vàng → an ủi cậu Vàng → buông cậu Vàng ra → nhắc chén, uống → ngẩn mặt ra, thờ dài → “nhắm tính”; cậu Vàng → ngồi dưới chân lão Hạc → hếch mõm nhìn thăm dò → vẩy đuôi lấy lòng → vẩy đuôi chực

làng. Sau TGNT (1.1) về sự kiện lão Hạc gặp gỡ tâm tình với ông giáo, TGNT (1.2) trực chỉ tập trung vào quan hệ giữa lão Hạc với cậu Vàng. Trong TGNT (1.2) chứa đựng 3 cấu trúc nhỏ hơn là TGNT (1.2.1), TGNT (1.2.2) và TGNT (1.2.3). Đầu tiên là TGNT (1.2.1), các yếu tố thời gian hồi tưởng được thực tại hóa qua những chỉ dấu như “những lúc buồn”; lúc “không có việc gì làm”; “những buổi tối”... Tương ứng với các chỉ dấu trên là các yếu tố không gian hồi tưởng sống lại qua các hành động có tính tăng tiến về mức độ như “bắt rận”, “đem nó ra ao tắm”, “cho nó ăn cơm trong một cái bát”, “nhắm vài miếng lại gấp cho nó một miếng”. Đây là TGNT (1.2.1) “làm nền” cho TGNT (1.2.2) tiếp theo được phát triển sâu hơn qua các tham thoại hằng. Chỉ dấu của câu dẫn “Lão bảo nó thế này...” đã chuyển TGNT vào một giai đoạn phát triển cao hơn qua TGNT (1.2.2) tham tố đầu tiên là lời tâm sự với cậu Vàng: “Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!”. Các tham tố ngôn từ ở đây cũng đã mang đầy đủ tính chất của một TGNT thu nhỏ. Một thể giới giả định “bố cậu mà về...” rồi “đóng” lại ngay... → mắng yêu, thăm dò “Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bố bố!...”; “Mừng à? Vầy đuôi à? Vầy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!...” → an ủi: “À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhĩ!... Ông để cậu Vàng ông nuôi...”. Tương ứng với các tham thoại hằng là các dấu hiệu đáp lại của cậu Vàng: ngồi dưới chân lão Hạc → “hếch mõm” nhìn thăm dò → “vẩy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ” → “chực lẳng”. Chuỗi hành động của nhân vật chính tạo ra một *thế giới đạo nghĩa thực tại* giữa người và vật hết sức cảm động. Kết thúc TGNT (1.2) là TGNT (1.2.3) khép mở một thế giới mới với các chỉ dấu bằng hành động “buông” cậu Vàng ra → “nhắc chén, ghé lên môi uống” → “ngần mặt ra”, “thở dài” → “nhắm tính” chuyện bảo toàn số tiền đã gom được cho con trai bằng quyết tâm bán cậu Vàng qua tình thái nhận thức của câu nói: “Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ”... và đi tới việc hạ quyết tâm: “Thôi thì bán phắt đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy”...

Như vậy, nếu TGNT (1.1) có chức năng dự báo qua thế giới tình thái nhận thức của nhân vật ông giáo thì TGNT (1.2) là hiện thực của dự báo đó. Trong TGNT (1.1) người đọc mới chỉ cảm nhận được sự hệ trọng của ý định bán chó thì TGNT (1.2) là những cơ sở chắc chắn để khẳng định tính chất đó, cậu Vàng không phải là vật nuôi thông thường mà là người bạn thân thiết nhất trong tuổi già cô quạnh của lão Hạc. Để thể hiện chức năng trên, trong TGNT (1.2), ngôn ngữ đối thoại và độc thoại đầy chất trữ tình của ngôi kể thứ nhất được trao cho nhân vật chính. TGNT thu gọn vào trong nhận thức và diễn biến tâm lí của một cá nhân đưa đến cho người tiếp nhận những hiểu biết về hoàn cảnh buồn thương của lão Hạc.

Thứ ba, tiểu TGNT (1.3) về việc cậu Vàng bị bán. Trong đó, các tham tố chính gồm: *tham tố thời gian* là thời điểm nỗi buồn đau quá lớn cần được thổ lộ; *tham tố địa điểm* là ngôi nhà ông giáo, nơi có một bà chủ nhà khá khó tính, không muốn nghe người khác kể khổ; *tham tố vật thể* gồm cậu Vàng; *tham tố nhân vật* chủ yếu là nhân vật chính lão Hạc, ông giáo và nhân vật được nhắc đến là thằng Mực, thằng Xiên; *tham tố tình thái* được thể hiện qua ngôi kể chủ yếu chuyển cho hai nhân vật qua cuộc thoại. Hai ngôi kể hòa quyện vào nhau và tạo nên giọng điệu tâm tình đặc trưng. Các *tham tố chi tiết* gồm: lão Hạc; ông giáo. Các *tham tố thúc đẩy chức năng* gồm: lão Hạc → quyết định bán cậu Vàng → sang nhà ông giáo → thông báo chuyện đã bán chó → cười như mếu → mặt co rúm lại → nước mắt chảy ra → đầu ngoẹo sang một bên → miệng mếu như con nít → khóc hu hu; Ông giáo → hỏi để xác nhận cách thức bắt cậu Vàng → an ủi lão Hạc; Thằng Mực → nấp trong nhà → tóm hai chân sau cậu Vàng → cùng thằng Xiên trói cậu Vàng lại; cậu Vàng → nghe lão Hạc kêu thì chạy về → vẩy đuôi mừng → ăn cơm → bị tóm lấy hai cẳng sau dốc lên → bị trói chặt bốn chân → làm im → rên ư ư → nhìn lão Hạc. TGNT (1.3) gồm 3 TGNT bộ phận:

TGNT (1.3.1) là việc lão Hạc báo tin đã bán cậu Vàng; TGNT (1.3.2) là việc cậu Vàng bị lừa và bị bắt đi; TGNT (1.3.3) là việc ông giáo an ủi lão Hạc. Kết thúc TGNT (1.2) là việc lão Hạc hạ quyết tâm với đầy đủ lí lẽ thuyết phục để tự biện minh cho mình về việc nuôi cậu Vàng tốn kém. TGNT (1.3) được mở ra với tiểu TGNT (1.3.1) của việc lão Hạc báo tin đã bán cậu Vàng với các tham tố đơn giản “cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!”. Sau màn hỏi đáp, *thế giới thực tại* được mở ra với góc nhìn của ngôi kể thứ ba hóa thân vào nhân vật... với sắc thái biểu cảm được thể hiện qua lời nhận xét: “Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước”. Tính chất đạo nghĩa chiếm trọn TGNT (1.3.1) bằng tham tố được thể hiện bởi câu cảm khái của ông giáo: “Muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc” và “không xót năm quyền sách của tôi quá như trước nữa”. TGNT (1.3.2) được khởi phát từ câu hỏi có tính chất khơi gợi của ông giáo: “Thế nó cho bắt à?” và mở ra một *thế giới hồi tưởng* về không gian của một quá khứ đau xót vừa mới trôi qua. Đầu tiên là ngôi kể khách quan của người dẫn chuyện đưa ra những tham tố có chức năng miêu tả khuôn mặt và chuyển động của thân thể: “Đột nhiên co dúm lại” → “vết nhăn xô lại với nhau” → “ép cho nước mắt chảy ra” → “đầu lão ngoẹo về một bên” → “cái miệng móm mém của lão mếu như con nít” → “hu hu khóc”... để tiếp ngay đó là các tham tố về lời tự bạch của nhân vật chính với lời cảm thán mở đầu: “Khốn nạn... Ông giáo ơi!” và nối tiếp là một chuỗi các hành động có tính tuyến tính được nhân vật chính kể lại: “Thấy tôi gọi về thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng” → “ăn cơm” → (bị) “tóm lấy hai cẳng sau”, “đọc ngược nó lên”. TGNT (1.3.2) được thúc đẩy bởi tham tố *tình thái nhận thức* với lời tự bạch hóa thân: “Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này?” và kết thúc bằng tham tố thể hiện sự sám hối tận cùng: “Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”. Từ đỉnh điểm của tính chất đạo nghĩa, TGNT (1.3) chuyển trạng thái sang một hướng khác có tính suy luận tự biện nhưng vẫn đảm bảo tính nhất quán bằng TGNT (1.3.3) với chỉ dấu của lời đối thoại mà người khởi xướng là nhân vật hóa thân trong kể ngôi thứ 3: “Ta giết nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác” và tham tố nhân vật chính thể hiện sự tán đồng: “Ông giáo nói phải”. Nhưng lời đáp không dừng lại ở đó, tình thái nhận thức được đẩy lên ở một mức cao hơn trong lời nói biểu đạt đến tính triết luận: “Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...”. Đây đã là một tiểu TGNT có mở đầu, phát triển và kết thúc: đồng thuận → hiện thực → đồng nhất hóa hiện thực với bản thân. Như vậy, diễn tiến của TGNT (1.3) là dòng sự kiện: thông báo → trình bày hiện thực → nhận thức lại hiện thực. Trong đó, mỗi giai đoạn cấu thành TGNT (1.3) là một thế giới tình thái hiện ra trong ngôi kể của các nhân vật qua lớp ngôn từ hội thoại là chủ yếu. TGNT (1.3) là sự kết thúc độc đáo của TGNT (1), đỉnh cao đầu tiên của nỗi đau đời người.

3.2. *Thế giới ngôn từ trong sự kiện lão Hạc tìm đến cái chết*

TGNT (2) chứa đựng 2 TGNT bộ phận: TGNT (2.1) của sự kiện lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình; TGNT (2.2) của sự kiện lão Hạc chết. TGNT (1) → TGNT (2) là sự dịch chuyển giữa tột đỉnh của nghịch cảnh đến tột đỉnh của bi thương.

Thứ nhất, tiểu TGNT (2.1) về việc lão Hạc chuẩn bị cái chết cho mình. Trong đó, các *tham tố cốt lõi* gồm: *tham tố thời gian* là thời điểm lão Hạc chuẩn bị cho chuyến đi xa của cuộc đời; *tham tố địa điểm* là không gian ngôi nhà ông giáo, nơi nhân vật chính rất ngại đến; *tham tố vật thể* gồm mảnh vườn, món tiền, khoai, củ chuối, sung luộc, củ ráy, rau má, trai, ốc; *tham tố nhân vật* gồm nhân vật chính lão Hạc, ông giáo; *tham tố tình thái* được thể hiện qua ngôi kể xen lẫn giữa

lời thoại nhân vật với ngôi kể thứ ba hòa vào nhân vật xưng “tôi”. Hai ngôi kể hòa quyện vào nhau tạo nên giọng điệu tâm tình. Các *tham tố chi tiết* gồm: lão Hạc; ông giáo; vợ ông giáo → khó tính; Binh Tư → nghề ăn trộm. Các *tham tố thúc đẩy chức năng* gồm: lão Hạc → tâm sự → ngỏ lời nhờ vả → lảng tránh ông giáo; ông giáo → nghe → khuyên → bày tỏ lo lắng, cảm thông → hứa → bày tỏ với vợ → ngầm giúp lão Hạc → tâm sự với Binh Tư → nghe Binh Tư nói chuyện → bày tỏ sự thất vọng về con người lão Hạc và cuộc đời; vợ ông giáo → nghe → gat phắt; Binh Tư → bĩu môi, nói điều khinh bỉ. TGNT (2.1) bao trùm sự kiện lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình chứa đựng 3 TGNT bộ phận: TGNT (2.1.1) ngỏ lời nhờ vả → TGNT (2.1.2) thương cảm → TGNT (2.1.3) thất vọng. TGNT (2.1.1) được mở ra bởi tham tố có chức năng miêu tả biểu đạt tính chất quan trọng: “Mặt lão nghiêm trang lại” để từ đó một thế giới thực tại được mở ra với góc nhìn ngôi kể hóa thân vào nhân vật dẫn dắt người đọc đến một thực tế được tóm gọn trong những liệt kê theo trật tự tuyến tính kiểu “việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng...”, cần “gửi ba sào vườn của thằng con lão”; “việc thứ hai: (gửi) ba mươi đồng bạc,...”; thiếu tiền ma chay thì “đành nhờ hàng xóm cả...”. Khép lại TGNT (2.1.1) là tham tố thể hiện sự ái ngại cho điều kiện sinh hoạt của lão Hạc qua câu nói của ông giáo: “Có đồng nào, cụ nhật nhanh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?” để chuyển sang một tiểu TGNT mới. TGNT (2.1.2) được mở ra với chỉ dấu “luôn mấy hôm...” báo hiệu hiện trạng này diễn ra trong một thời gian và luôn được người nói lưu tâm. Thế giới thực tại được mở ra với góc nhìn của ngôi kể thứ ba hóa thân vào nhân vật thuộc ngôi kể thứ nhất với các tham tố hiện thực tăng dần từ sự quan sát kĩ càng, tỉ mỉ qua chỉ dấu “tôi thấy...” về các hành động tìm kiếm miếng ăn của lão Hạc “chế tạo được món gì, ăn món ấy” với chuỗi liệt kê các món theo một trật tự giảm dần giá trị: “khoai”, “củ chuối”, “sung luộc”, “rau má”, “củ ráy”, “trai, ốc” → TGNT được thúc đẩy bởi hành động “nói chuyện lão với vợ” và bị “gat phắt” vì những lí lẽ rất thuyết phục → lời cảm khái “chao ôi” mở ra cả một thế giới tình thái đạo nghĩa bằng những tham tố triết luận: “Những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...” và giải thích cho hiện thực vừa nói đến bằng một triết luận: “Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa...” → trở lại với thực tại bằng chỉ dấu nói về nhân vật chính “lão cứ xa tôi dần dần” - “Lão không hiểu tôi,... và tôi càng buồn lắm” và quay lại với thế giới tình thái nhận thức: “Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế”. Đến đây, thế giới tình thái đạo nghĩa tạm thời dừng lại để mở ra một *thế giới trực chỉ* gồm những tham tố của hành động mang màu sắc *nhận thức* và *đạo nghĩa*, TGNT (2.1.3). Yếu tố thời gian “một hôm” mở ra một không gian sự kiện của những tình tiết “bĩu môi” của nhân vật Binh Tư khinh bỉ, chế nhạo một lão Hạc “xin tôi một ít bả chó”. *Thế giới trực chỉ* được đẩy lên một bước bởi hành động “trỏ to đôi mắt, ngạc nhiên” của người nghe khi gần như đoán được cái ý định của lão Hạc. Và khi các tham tố bổ sung cho hành động của lão Hạc được tiếp tục “phanh phui”: “Nếu trúng, lão với tôi uống rượu” thì tính chất *đạo nghĩa* đã chiếm trọn *thế giới trực chỉ*, biến thành một *thế giới tình thái* với lời cảm khái đầy đau khổ vì thất vọng của nhân vật xưng “tôi”: “Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết”. Đến đây, TGNT (2.1.3) được khép lại. Cả tiểu sự kiện nằm trong sắc thái u buồn, đau đớn, cái hi vọng về thiện căn của con người đã sụp đổ hoàn toàn trong lòng nhân vật kể chuyện.

Thứ hai, tiểu TGNT (2.2) về cái chết của lão Hạc. Trong đó, các *tham tố cốt lõi* gồm: *tham tố thời gian* là thời điểm lão Hạc đang quần quai đau đớn để trút hơi thở cuối cùng; *tham tố địa điểm* là ngôi nhà, nơi Lão Hạc trải qua mọi biến cố buồn vui; *tham tố vật thể* gồm chiếc giường, ngôi nhà; *tham tố nhân vật* chủ yếu là nhân vật chính lão Hạc, ông giáo, những người hàng xóm; Binh Tư

với tư cách là đối tượng được nhắc đến trong cuộc thoại; *tham tố tình thái* được thể hiện qua ngôi kể thứ ba được lồng vào lời độc thoại của nhân vật xưng “tôi” với giọng điệu đau buồn. Các *tham tố chi tiết* gồm: âm thanh → nhón nháo; ông giáo; hàng xóm; lão Hạc; Binh Tư. Các *tham tố thúc đẩy chức năng* gồm: ông giáo → đi về (từ nhà Binh Tư) → nghe thấy tiếng nhón nháo → mãi một chạy sang nhà lão Hạc → chạy xồng xộc vào nhà lão Hạc; hàng xóm → xôn xao; lão Hạc → vật vã, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc → tru tréo, bọt mép sùi ra, giật nảy lên → hai người đàn ông ngồi đề lên → chết. TGNT (2.2) của sự kiện lão Hạc chết chứa đựng 2 TGNT bộ phận: TGNT (2.2.1) cái chết vật vã của lão Hạc; TGNT (2.2.2) tâm trạng của ông giáo... Khép lại TGNT (2.1) với *thế giới tình thái* tiêu cực, u buồn, một *thế giới thực tại* khác được mở ra ngay tức thì với tham tố tình thái được biểu đạt bằng lời khẳng định mạnh mẽ của ông giáo: “Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn...” rồi chuyển dần vào những tiểu TGNT bộ phận. Đầu tiên là TGNT (2.2.1), *thế giới trực chỉ* được mở ra với góc nhìn của ngôi kể thứ ba hóa thân vào nhân vật với những chỉ dấu miêu tả các hành động vội vã, gấp gáp: “mãi một chạy sang”; “xồng xộc chạy vào” và TGNT mở ra bởi những tham tố miêu tả quá trình cái chết đến với lão Hạc. Từ quần quai đau đớn: “Vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc” đến giây phút: “Tru tréo, bọt mép sùi ra...” cần đến sự can thiệp bên ngoài: “Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đề lên người lão” và cuối cùng sau khi chịu đựng những đau đớn quần quai, “hai giờ đồng hồ” cái chết mới đến được để giải thoát cho con người tội nghiệp này. Đến đây, *thế giới trực chỉ* đã nhường chỗ cho một tiểu *thế giới tình thái đạo nghĩa*. TGNT (2.2.2) chuyển sang ngôi kể thứ 3 với giọng điệu thương cảm: “Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa!”. Ngay trong tham tố này đã chứa đựng các phần tử nhỏ hơn: từ “chẳng ai hiểu” → “tôi với Binh Tư” → “nói ra để làm gì nữa” (mọi người biết chỉ thêm đau lòng). Tiểu *thế giới tình thái đạo nghĩa* chuyển sang mức độ cao hơn được biểu đạt bằng tham tố dưới dạng thức một lời cảm khái tự bạch với lòng mình của nhân vật “tôi”: “Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt!” và tiếp nối với những tham tố chi tiết hóa với thông tin về sự vật, đối tượng gắn với tâm nguyện của người vừa nhắm mắt: “Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão...” và “tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân...”. Như vậy, TGNT (2.2) đã được xây dựng theo phương thức tuyến tính gồm các thế giới nhỏ hơn và có sự xen kẽ, hòa lẫn giữa các loại TGNT khác nhau. Trong một TGNT đã hàm chứa cả *thế giới trực chỉ*, *thế giới tình thái nhận thức* và *thế giới tình thái đạo nghĩa*. Ngôi kể chiếm hầu hết cấu trúc là người kể chuyện và cũng là nhân vật với tư cách là người chứng kiến hiện thực. Bằng cách này, bao trùm lên cấu trúc sự kiện là tính chất đa giọng, trong đó giọng điệu tâm tình, buồn thương chiếm ưu thế.

4. Kết luận

Khác với thao tác phân tích truyền thống, việc sử dụng LTTGNT để giải mã truyện ngắn *Lão Hạc* đã làm rõ quá trình sáng tạo, tiếp nhận tác phẩm của tác giả và bạn đọc như thế nào. Đằng sau những con chữ đã được đẽo gọt là những *thế giới* của hiện thực, *thế giới* của nhận thức, *thế giới* của cảm xúc mà cả người sáng tác lẫn người tiếp nhận cùng chia sẻ. Những *thế giới* này được minh định bằng thao tác thực chứng và định lượng thay vì sự cảm nhận ít nhiều mang tính chủ quan. TGNT là *thế giới* ẩn chứa trong từng con chữ và đằng sau những con chữ ấy, *thế giới* mà lâu nay người đọc chỉ *hiểu*, *cảm* và *liên tưởng*. Với LTTGNT của Werth và Gavins, việc tiếp cận một tác phẩm văn chương trở nên sâu sắc, toàn diện và thú vị hơn. Lí thuyết này được xem là một hướng đi có triển vọng bởi tính ứng dụng của nó trong nghiên cứu và giảng dạy văn học. Trong giới hạn bài viết, việc sử dụng LTTGNT vào mổ xẻ các phương diện cơ bản của tác phẩm *Lão Hạc* mới chỉ

dừng lại ở mức khảo cứu. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, đây là một hướng đi rất có triển vọng, nó góp phần nâng cao chất lượng của các nghiên cứu lẫn sáng tác tác phẩm văn chương nói chung, truyện kể nói riêng.

Tài liệu tham khảo

Gillian Brown, George Yule. (2002). *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Hòa. (2008). *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lí luận và phương pháp*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Gavins, J. (2007). *Text World Theory: An Introduction*. Edinburgh: Edinburgh University Press.

Werth, P. (1995a). *How to Build a World (in a Lot Less Than Six Days and Using Only What's in Your Head)*. In K. Green (ed.), *New Essays on Deixis: Discourse, Narrative, Literature*. Amsterdam: Rodopi. 49-80.

Werth, P. (1995b). "World Enough and Time: Deictic Space and the Interpretation of Prose". In P. Verdonk and J.J. Weber (eds). *Twentieth Century Fiction: From Text to Context*. London: Routledge. 181-205.

Werth, P. (1999). *Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse*. London: Longman.

Whiteley, S. (2010). *Text World Theory, Real Reader and Emotional Responses to the Remains of the Day*. *Language and Literature*. 20 (1). 23-42.